

CHỈ SỐ CÔNG TỜ VÀ SỐ ĐIỆN SỬ DỤNG KTX K1

Tháng 1/2016

STT	Số phòng	Số SV ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (1.786*10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	Phòng trực Y tế	3.940	4.026				
2	102	8	5.097	5.213	116	1.965	227.894	
3	103	8	5.971	6.041	70	1.965	137.522	
4	104	8	4.651	4.766	115	1.965	225.929	
5	105	8	4.889	5.033	144	1.965	282.902	
6	106	8	4.126	4.200	74	1.965	145.380	
7	107	PSHC	1.755	1.778			0	
8	108		1.809	1.822			0	
9	109	8	2.517	2.629	112	1.965	220.035	
10	110	8	3.335	3.400	65	1.965	127.699	
11	111	8	3.015	3.099	84	1.965	165.026	
12	112	8	4.912	4.993	81	1.965	159.133	
13	113	7	3.923	4.114	191	1.965	375.239	
14	114	7	4.568	4.650	82	1.965	161.097	
15	201	8	2.932	3.021	89	1.965	174.849	
16	202	4	5.223	5.319	96	1.965	188.602	
17	203	8	4.294	4.427	133	1.965	261.292	
18	204	6	7.385	7.609	224	1.965	440.070	
19	205	8	5.356	5.484	128	1.965	251.469	
20	206	8	5.360	5.463	103	1.965	202.354	
21	207	5	3.273	3.344	71	1.965	139.487	
22	208	8	5.586	5.689	103	1.965	202.354	
23	209	8	5.376	5.601	225	1.965	442.035	
24	210	8	5.800	5.877	77	1.965	151.274	
25	211	8	5.208	5.276	68	1.965	133.593	
26	212	8	6.467	6.542	75	1.965	147.345	
27	213	8	6.394	6.472	78	1.965	153.239	
28	214	8	5.938	5.999	61	1.965	119.841	
29	301	1 SV ăn độ	5.094	5.118	24	1.965	47.150	
30	302	5	6.248	6.329	81	1.965	159.133	
31	303	7	5.853	5.962	109	1.965	214.141	
32	304	8	4.835	4.854	19	1.965	37.327	
33	305	7	6.097	6.228	131	1.965	257.363	
34	306	7	5.047	5.116	69	1.965	135.557	
35	307	PSHC	890	898		1.965	0	
36	308		691	692		1.965	0	
37	309	8	5.267	5.397	130	1.965	255.398	

38	310	8		6.383	6.444	61	1.965	119.841	
39	311	8		3.701	3.742	41	1.965	80.549	
40	312	8		4.812	4.932	120	1.965	235.752	
41	313	8		5.558	5.639	81	1.965	159.133	
42	314	8		6.094	6.155	61	1.965	119.841	
43	401	8		3.851	3.954	103	1.965	202.354	
44	402	8		4.510	4.618	108	1.965	212.177	
45	403	8		3.471	3.522	51	1.965	100.195	
46	404	8		3.501	3.544	43	1.965	84.478	
47	405	1		4.654	4.753	99	1.965	194.495	
48	406	8		6.662	6.746	84	1.965	165.026	
49	407	8		6.058	6.146	88	1.965	172.885	
50	408	8		4.109	4.273	164	1.965	322.194	
51	409	7		5.853	5.956	103	1.965	202.354	
52	410	8		3.737	3.793	56	1.965	110.018	
53	411	8		4.907	4.999	92	1.965	180.743	
54	412	8		6.097	6.192	95	1.965	186.637	
55	413	8		3.929	3.978	49	1.965	96.265	
56	414	8		4.929	5.009	80	1.965	157.168	
57	501	7		2.909	2.989	80	1.965	157.168	
58	502	8		4.672	4.707	35	1.965	68.761	
59	503	7		2.174	2.252	78	1.965	153.239	
60	504	8		3.381	3.466	85	1.965	166.991	
61	505	8		3.495	3.605	110	1.965	216.106	
62	506	1	SVNN TT	4.399	4.460	61	1.965	119.841	
63	507	3	CPC	3.064	3.093	29	1.965	56.973	
64	508	3	SVNN TT	9.033	9.159	126	1.965	247.540	
65	509	4	SVNN TT	5.147	5.196	49	1.965	96.265	
66	510	8		3.959	4.022	63	1.965	123.770	
67	511	8		6.488	6.528	40	1.965	78.584	
68	512	8		3.416	3.459	43	1.965	84.478	
69	513	8		3.348	3.434	86	1.965	168.956	
70	514	8		4.983	5.087	104	1.965	204.318	
	Cộng	465				5.796		11.386.822	

(Bảng chữ: Mười một triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi hai đồng)

Trong đó: - Nhà trường hỗ trợ cho sinh viên nước ngoài thực tập là 500.000 đ/phòng

- Số tiền phải nộp là: 10.923.176 đồng

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KTX

NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP

ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Đào Việt Hòa

Trần Thị Hà